

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/DS-PT
Ngày 26 - 9 - 2023
V/v Tranh chấp QSDĐ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hoàn

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Hà

Bà Nguyễn Thị Lan Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình: Bà Đỗ Thị Thái - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2023/TLPT-DS ngày 18 tháng 8 năm 2023 về việc *Tranh chấp quyền sử dụng đất*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 67/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Chị **Phan Thị H**, sinh năm 1978.

- Anh **Vũ Quang L**, sinh năm 1975.

Đều có địa chỉ: thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn:

- Ông **Đoàn Đình C**, sinh năm 1954.

- Ông **Đoàn Quốc Á**, sinh năm 1962.

Đều có địa chỉ: thôn M, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Á: Anh **Phan Thanh M**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình.

3. Người kháng cáo: Bị đơn - ông Đoàn Đình C và ông Đoàn Quốc Á.

(Tất cả đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*** Yêu cầu khởi kiện và trình bày của nguyên đơn:**

Năm 2010, vợ chồng chị H anh L nguyên đơn có nhận chuyển nhượng thửa đất 84a+85a có chiều dài 16,5m; chiều rộng tám mét đường là 8,4m, diện tích 138,6m² tại thôn M, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình của ông Trần Đình K và bà Tạ Thị H1. Chị H, anh L đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy CNQSD đất số CH03238 ngày 09/7/2010.

Nguồn gốc thửa 84a+85a là của cụ Đoàn Văn C1 (bố đẻ của ông C, ông Á bị đơn) chuyển nhượng cho bà Vũ Thị N, sau đó bà N chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông K và bà H1. Năm 2010, ông K, bà H1 chuyển nhượng lại thửa đất cho vợ chồng anh chị. Khi anh chị nhận chuyển nhượng, thửa đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp thửa đất ông Đoàn Quốc H2 có chiều dài 16,5m; phía Tây giáp thửa đất ông Lương Ngọc H3 có chiều dài 16,5m; phía Nam giáp thửa đất nhà bà Phan Thị Đ có chiều dài 8,4m; phía Bắc giáp đường giao thông có chiều dài 8,4m, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông K bà H1, sau đó anh chị làm thủ tục sang tên mình.

Năm 2021, anh chị đến sử dụng đất thì ông Á, ông C và con cháu cụ C1 cản trở, không cho sử dụng, ông C và ông Á còn xây dựng 01 bức tường gạch diện tích khoảng 16,8m² chắn ngang phía Nam thửa đất trong khi phía Nam là giáp đất nhà bà Đ, không phải giáp đất của cụ C1.

Ban đầu anh chị khởi kiện ông C và ông Á ra Tòa án, yêu cầu hai ông tháo dỡ tường gạch đã xây năm 2021 và trả lại vợ chồng anh chị 16,8m² đất lấn chiếm. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, anh chị yêu cầu ông C, ông Á tháo dỡ tường gạch đã xây năm 2021 và trả lại vợ chồng anh chị diện tích đất là 24,8m² theo kết quả đo đạc, xem xét và thẩm định ngày 17/02/2023.

*** Bị đơn - ông C, ông Á và Người đại diện theo ủy quyền của ông Á trình bày:**

Ông Á và ông C đều là con của cụ Đoàn Văn C1. Năm 1997, cụ C1 đã được cấp Giấy CNQSD đất đối với thửa đất số 84 (diện tích 325m² đất ao) và thửa đất số 85 (diện tích 507m² gồm 400m² đất T và 107m² đất vườn tạp), các thửa đất đều có địa chỉ tại thôn M, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Năm 2002, cụ C1 bán cho bà Vũ Thị N diện tích 252m² đất ao tại thửa số 84 (dài 20m, rộng 12,6m), không bán đất ở. Khi làm thủ tục tách quyền sử dụng đất cho bà N thì ông Lương Ngọc C2 là cán bộ xã đã tự ý tách 100m² đất ở của gia

đình cụ C1 cộng với 152m² đất ao, với lý do thời điểm đó không có đất thổ thì không tách được sổ đỏ, vì thế đất ở của gia đình bị trừ đi 100m² nên chỉ còn 407m², mặc dù trên thực tế còn 507m². Thời điểm xảy ra tranh chấp quyền sử dụng đất giữa gia đình ông và bà N thì cụ C1 còn sống nên các ông không biết cụ C1 có làm đơn đề nghị UBND xã giải quyết tranh chấp hay không.

Đến năm 2003, Nhà nước mở rộng đường về phía Nam, các hộ dân được đền bù trong đó có nhà bà N, lấy ra 3,5m x 12,6m thì lúc này nhà bà N chỉ còn chiều dài là 16,5m. Sau đó bà N bán lại cho chị H 8,4m chiều rộng và 16,5m chiều dài; phần còn lại bán cho ông Lương Ngọc H3 ở xã Đ, huyện T.

Thời điểm cụ C1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà N thì các ông không biết, không trực tiếp tham gia nhưng các ông biết là thời điểm đó cụ C1 chỉ bán đất ao chứ không bán đất thổ.

Năm 2021, anh L, chị H là người mua lại đất đến nhận đất sang cả phần đất của gia đình các ông, phần đất này không thuộc diện tích đất cụ C1 đã bán nên khoảng tháng 4/2021, các ông đã xây 01 bức tường bằng gạch bavanh trên phần đất còn lại của gia đình các ông, không xây lấn sang đất của anh L và chị H. Do đó ông C, ông Á không đồng ý phá dỡ tường gạch và trả lại đất cho anh L, chị H vì kiện không có căn cứ.

*** Người làm chứng – ông Trần Thế M1 trình bày:**

Ông là em trai ông Trần Đình K (ông K đã chết năm 2022 tại Vũng Tàu). Khi ông K mua đất của bà N thì ông K đang làm ăn ở Vũng Tàu, ông K nhờ ông nhận Giấy CNQSD đất từ bà N đã sang tên ông K. Sau đó, ông K nhờ ông mua cát về san lấp mặt bằng, mục đích để ông K về quê mở phòng khám răng, khi san lấp xong thì ông K không về quê nữa nên có ý định bán lại cho người khác và năm 2010, anh L, chị H đã mua đất. Ông lại tiếp tục giúp anh trai nhận tiền từ anh L, chị H 280.000.000 đồng và đưa Giấy CNQSD đất cho anh L, chị H đi làm thủ tục sang tên. Quá trình ông thuê xe chở cát san lấp mặt bằng thửa đất giúp anh trai ông không có ai ra cản trở, khi giúp anh trai bán lại mảnh đất cho anh L, chị H cũng không có bất kỳ ai tranh chấp.

*** Phòng Tài nguyên môi trường UBND huyện T cung cấp:**

- Cụ Đoàn Văn C1, trú tại xóm F, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy CNQSD đất có số vào sổ 1571, seri H769048 ngày 07/6/1997. Tổng diện tích đất là 1682m² gồm 5 thửa 85, 84(6), 412, 69, 191(5). Trong đó có thửa 85, tờ bản đồ số 06 diện tích 507m² (đất ở 400m², đất vườn tạp 107m²) và thửa số 84 tờ bản đồ số 6 diện tích 325m² đất ao.

- Ngày 25/3/2002, cụ Đoàn Văn C1 và vợ là Phan Thị B lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Vũ Thị N, diện tích 252m² tại thửa 84

và 85, tờ bản đồ số 6 đo đạc năm 1995. Phần diện tích đất ao sau khi mua bà Vũ Thị N đã làm các nghĩa vụ tài chính để hợp pháp hóa thành đất ở. Ngày 26/3/2003 hộ bà Vũ Thị N được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy CNQSD đất, số vào sổ 2099, số seri L847520.

- Ngày 02/11/2004 bà Vũ Thị N lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Trần Đình K vợ là Trần Thị H4, diện tích 138,6m² tại thửa 84(a2) + 85 (a) tờ bản đồ số 6 đo đạc năm 1995, ông K đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính, ngày 30/11/2004 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy CNQSD đất có số vào sổ 2300, số seri Y485696 mang tên Trần Đình K và Trần Thị H4.

- Ngày 15/01/2010, ông Trần Đình K, bà Trần Thị H4 lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Vũ Quang L vợ là Phan Thị H diện tích 138,6m² tại thửa 84a + 85a tờ bản đồ số 6 đo đạc năm 1995. Anh L, chị H đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính, ngày 09/7/2010 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy CNQSD đất có số vào sổ CH3238, số seri BA58510 mang tên Vũ Quang L và Phan Thị H.

*** Ủy ban nhân dân xã Đ cung cấp:**

- Gia đình cụ Đoàn Văn C1 được UBND huyện cấp Giấy CNQSD đất số H769048, số vào sổ 1571 ngày 07/6/1997: thửa 85 tờ bản đồ số 06 diện tích 507m² (trong đó 400m² đất ở, 107m² đất trồng cây lâu năm) và thửa 84 tờ bản đồ số 06 diện tích 325m² đất nuôi trồng thủy sản. Theo Phiếu trích thửa năm 1995 lưu tại UBND xã, thửa số 84 phía Đông dài 20,3m giáp thổ cụ C1, phía Tây dài 20,3m giáp ngõ rộng 2,7m, phía Nam dài 16m giáp thổ bà Đ, phía Bắc dài 16m giáp đường Đ. Thửa 85 phía Đông dài 20,3m giáp thổ bà D, phía Tây dài 20,3m giáp ao cụ C1, phía Nam dài 25m giáp thổ bà Đ, phía Bắc dài 25m giáp đường Đ.

- Ngày 25/3/2002 cụ C1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Vũ Thị N diện tích 252m² (100m² đất ở và 152m² đất nuôi trồng thủy sản) tại thửa 84+85 tờ bản đồ 06 (Đông dài 20m giáp thổ bà D; Tây dài 20m giáp ao cụ C1; Nam dài 12,6m giáp thổ bà Đ; Bắc dài 12,6m giáp đường Đ).

+ Năm 2004 bà N chuyển nhượng một phần diện tích đất cho ông Lương Ngọc H3 tại thửa 84a1, diện tích 69,3m², loại đất ở, được UBND huyện cấp giấy CNQSDĐ mang tên ông Lương Ngọc H3 và Vũ Thị H5.

+ Cũng trong năm 2004 bà N chuyển nhượng cho ông Trần Đình K diện tích đất ở 138,6m² tại thửa 85a+84a2 được UBND huyện cấp giấy CNQSDĐ mang tên ông K, bà H4.

- Năm 2004 cụ C1 chuyển nhượng 01 phần diện tích ao cho ông Vũ Ngọc H6 tại thửa 84b, diện tích 80,8m² (Đông dài 18,8m giáp đất ông H3; Tây dài 18,8m giáp đất cụ C1; Nam dài 4,3m giáp thổ bà Đ; Bắc dài 4,3 m giáp đường Đ);

- Năm 2008 ông Đoàn Quang P và bà Đỗ Thị Đ1 là con trai, con dâu cụ C1 được thừa kế di sản của cụ C1 để lại là thửa 85 (diện tích 161,2m² trong đó 100m² đất ở và 61,2m² đất trồng cây lâu năm). Thửa 84 diện tích 84m² (50m² đất ở và 34m² trồng cây lâu năm) đã được cấp GCNQSDĐ ngày 02/01/2019.

- Năm 2010 ông K, bà H4 chuyển nhượng thửa 85a+84a2 cho anh L, chị H, thửa 84a2 được đổi tên thành 84a và được cấp GCNQSDĐ ngày 09/7/2010 diện tích 138,6m², là đất ở.

*** Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/02/2023 thể hiện:** Tại thửa đất số 84a+85a, tờ bản đồ số 06, địa chỉ tại thôn M, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình có diện tích 138,4m², loại đất: Đất ở, hiện trên đất có nước đọng và chưa có khuôn viên tường rào xung quanh, đất có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp thửa 85 (ông Đoàn Quốc H2) có chiều dài 16,5m;
- Phía Tây giáp thửa 84a1 (ông Lương Ngọc H3) có chiều dài 16,5m;
- Phía Nam giáp thửa đất 191 (bà Phan Thị Đ) có chiều dài 8,4m;
- Phía Bắc giáp giao thông (đường Đ) có chiều dài 8,4m;

Tài sản và công trình trên đất: 01 bức tường gạch có chiều dài 8,4m, cao 1,7m, tường xây 20, xây bằng gạch ba vanh, tường xây năm 2021, vị trí tường gạch xây chắn ngang thửa đất, gần phía Nam (gần thửa 191 đất nhà bà Đ).

Phần diện tích từ tường gạch đến cuối thửa 84a+85a (giáp thửa 191) có diện tích S2 là 24,8m² (dài 8,4m; rộng: 01 chiều 2,94m, 01 chiều 2,96m).

Tứ cận phần diện tích đất S2 có tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp thửa 85 (ông Đoàn Quốc H2) có chiều dài 2,96m;
- + Phía Tây giáp thửa 84a1 (ông Lương Ngọc H3) có chiều dài 2,94m;
- + Phía Nam giáp thửa đất 191 (bà Phan Thị Đ) có chiều dài 8,4m;
- + Phía Bắc giáp phần còn lại thửa số 84a +85a có chiều dài 8,4m.

*** Tại biên bản định giá ngày 17/02/2023 thể hiện:** Giá trị thửa đất 84a + 85a là: 5.000.000 đồng x 2,2 x 138,4 = 1.522.400.000 đồng. Giá trị của tường dậu là: 7.783.804 đồng.

*** Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 08/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình:** đã áp dụng các Điều 166 Bộ luật dân sự; khoản 9 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 164; Điều 166; Điều 169;

Điều 175; Điều 176 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 24; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Quang L và chị Phan Thị H, buộc ông Đoàn Đình C và ông Đoàn Quốc Á phải dỡ bỏ toàn bộ công trình (tường gạch) xây dựng trên thửa đất số 84a + 85a tờ bản đồ số 06 đo đạc năm 1995 (bức tường gạch có chiều dài 8,4m, cao 1,7m, tường xây 20 bằng gạch bavanh, xây năm 2021, vị trí tường gạch xây chắn ngang thửa đất, gần phía Nam (gần thửa 191 đất của nhà bà Đ) và trả lại cho anh L chị H diện tích 24,8m² tại thửa đất số 84a + 85a tờ bản đồ số 06 đo đạc năm 1995 tại địa chỉ thôn M, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình, đất có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp thửa 85 (ông Đoàn Quốc H2) có chiều dài 2,96m;
- Phía Tây giáp thửa 84a1 (ông Lương Ngọc H3) có chiều dài 2,94m;
- Phía Nam giáp thửa đất 191 (bà Phan Thị Đ) có chiều dài 8,4m;
- Phía Bắc giáp phần còn lại thửa số 84a +85a có chiều dài 8,4m.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* **Về kháng cáo:** Ngày 13/6/2023, ông C, ông Á nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông C, ông Á.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Ông C, ông Á giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày ý kiến giữ nguyên quan điểm như tại phiên tòa sơ thẩm.

- Chị H, anh L trình bày ý kiến: anh chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc các bị đơn phải tháo dỡ bức tường và trả lại diện tích đất đã lấn chiếm cho anh chị như án sơ thẩm đã tuyên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình** phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông C, ông Á, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của Bị đơn - ông Đoàn Đình C và ông Đoàn Quốc Á gửi đến Tòa án trong thời hạn luật định, ông C, ông Á đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, vì vậy kháng cáo là hợp lệ, được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Đoàn Đình C, ông Đoàn Quốc Á:

Ngày 07/6/1997, cụ Đoàn Văn C1 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy CNQSD đất số H769048 đối với diện tích đất 1682m² gồm 05 thửa: Thửa 85 tờ bản đồ số 06 diện tích 507m² (đất ở 400m², đất vườn tạp 107m²); Thửa số 84 tờ bản đồ số 6 diện tích 325m² đất ao; Thửa 412, 69, 191 đều thuộc tờ bản đồ số 5 diện tích 850m² đất hai lúa.

Theo thông tin do Phòng tài nguyên và Môi trường UBND huyện T cung cấp thì ngày 25/3/2002, cụ Đoàn Văn C1 và vợ là Phan Thị B lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Vũ Thị N, diện tích 252m² tại thửa 84 và 85, tờ bản đồ số 6 đo đạc năm 1995 trong đó có 100m² đất ở và 152m² đất ao. Phần diện tích đất ao sau khi mua, bà N đã làm các nghĩa vụ tài chính để hợp pháp hóa thành đất ở. Ngày 26/3/2003 hộ bà Vũ Thị N được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy CNQSD đất, số vào sổ 2099, số seri L847520.

Ngày 02/11/2004, bà Vũ Thị N chuyển nhượng cho ông Lương Ngọc H3 69,3m² đất ở và chuyển nhượng cho ông Trần Đình K, bà Tạ Thị H1 138,6m² đất ở. Ngày 30/11/2004, UBND huyện T đã cấp Giấy CNQSD đất số Y485696 cho ông K, bà H1 đối với diện tích 138,6m² đất ở.

Ngày 15/01/2010, ông K, bà H1 chuyển nhượng cho anh Vũ Quang L và chị Phan Thị H 138,6m² đất ở nói trên. Chị H và anh L đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy CNQSD đất số BA585110 ngày 09/7/2010.

Quá trình thực hiện thủ tục cấp Giấy CNQSD đất không xảy ra việc tranh chấp hay khiếu nại. Biến động diện tích đất cũng đã được ghi nhận ở Giấy CNQSD đất của mỗi gia đình.

Ông C, ông Á cho rằng bà N nhận chuyển nhượng diện tích 252m² đất ao, không có đất thổ cư nhưng khi làm hồ sơ chuyển nhượng lại cắt vào diện tích đất thổ cư của cụ C1 100m² nên hai ông đã xây bức tường ngăn để giữ lại đất ở của cụ C1 mà không đưa ra được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh phần đất đó là của cụ C1.

Thực tế đây là diện tích đất anh L và chị H đã được cấp Giấy CNQSD đất. Nguồn gốc là từ phần đất ở của cụ C1 khi còn sống đã cùng vợ là cụ Phạm Thị

B1 chuyển nhượng cho bà N theo Hợp đồng chuyển nhượng số 125/3 CN ngày 25/3/2022 (Bút lục 88), đã được điều chỉnh trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ C1 nhưng tách ra 100m² đất ở và 152m² đất ao. Thửa đất này có cạnh phía Nam giáp với thổ của bà Đ, khi cụ C1 chuyển nhượng cho bà N, bà N chuyển nhượng cho ông K, bà H1; ông K bà H1 chuyển nhượng cho anh L, chị H thì diện tích đất chuyển nhượng đều có phía Nam giáp với hộ bà Đ, như vậy cụ C1 không còn đất trống ở phía Nam.

Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận đơn khởi kiện của chị H và anh L, buộc ông C, ông Á phải tháo dỡ bức tường đã xây dựng chắn ngang về phía Nam thửa đất của vợ chồng anh L, chị H và trả lại diện tích 24,8m² đất cho anh L và chị H là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích, đánh giá trên, Hội đồng xét xử thấy:

Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Đoàn Đình C và ông Đoàn Quốc Á, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 08/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của ông C, ông Á không được chấp nhận nên ông C, ông Á phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của ông Đoàn Đình C và ông Đoàn Quốc Á.

[2] Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 08/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình:

Áp dụng các Điều 166 Bộ luật dân sự; khoản 9 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 164; Điều 166; Điều 169; Điều 175; Điều 176 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 24; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Quang L và chị Phan Thị H, buộc ông Đoàn Đình C và ông Đoàn Quốc Á phải dỡ bỏ toàn bộ công trình là bức tường gạch đã xây dựng trên thửa đất số 84a + 85a tờ bản đồ số 06 đo đạc năm 1995 có chiều dài 8,4m, chiều cao 1,7m, chiều rộng 20 cm, xây bằng gạch ba vạnh ở vị trí chắn ngang thửa đất, gần phía Nam (gần thửa đất số 191 của nhà bà Đ) và trả lại cho anh L chị H diện tích 24,8m² tại thửa đất số 84a + 85a tờ bản

đồ số 06 đo đạc năm 1995 tại địa chỉ thôn M, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình, có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp thửa 85 (ông Đoàn Quốc H2) có chiều dài 2,96m;
- Phía Tây giáp thửa 84a1 (ông Lương Ngọc H3) có chiều dài 2,94m;
- Phía Nam giáp thửa đất 191 (bà Phan Thị Đ) có chiều dài 8,4m;
- Phía Bắc giáp phần còn lại thửa số 84a +85a có chiều dài 8,4m.

2.2. Về án phí:

Ông Đoàn Đình C và ông Đoàn Quốc Á phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh Vũ Quang L, chị Phan Thị H số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh L, chị H đã nộp theo Biên lai số 0002531 ngày 02/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Ông Đoàn Đình C, ông Đoàn Quốc Á phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng ông C, ông Á đã nộp tạm ứng tại Biên lai thu số 0002422 ngày 20/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7; 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 26/9/2023./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND huyện Tiền Hải;
- Chi cục THADS huyện Tiền Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hoàn